

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI MINH TÂM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI MINH TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH TAM INVESTMENT IN CONSTRUCTIONS AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH TAM ININ CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109143990

3. Ngày thành lập: 25/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 10, Xóm Chiến Thắng, Thôn Trung, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904591299

Fax:

Email: xuanbon1983@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|-------------|
| 1. | Xây dựng nhà để ở | 4101(Chính) |
| 2. | Xây dựng nhà không để ở | 4102 |
| 3. | Xây dựng công trình đường sắt | 4211 |
| 4. | Xây dựng công trình đường bộ | 4212 |
| 5. | Xây dựng công trình điện | 4221 |
| 6. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước | 4222 |
| 7. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc | 4223 |
| 8. | Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu. | 4229 |
| 9. | Xây dựng công trình thủy | 4291 |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng | 4292 |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo | 4293 |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. | 4299 |
| 13. | Phá dỡ | 4311 |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322 |

| | | |
|-----|---|------|
| 17. | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <p>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.</p> <p>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 19. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bề bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển. | 4390 |
| 20. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4511 |
| 21. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) | 4512 |
| 22. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4513 |
| 23. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | 4520 |

| | | |
|-----|--|------|
| 24. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4530 |
| 25. | Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4541 |
| 26. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy | 4542 |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4543 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới thương mại (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4610 |
| 29. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm) | 4620 |
| 30. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì | 4631 |
| 31. | Bán buôn thực phẩm (Không bao gồm hoạt động kinh doanh thực phẩm chức năng) | 4632 |
| 32. | Bán buôn đồ uống | 4633 |
| 33. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào | 4634 |
| 34. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép | 4641 |
| 35. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |
| 36. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm | 4651 |
| 37. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông | 4652 |
| 38. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp | 4653 |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |

| | | |
|-----|--|------|
| 40. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm hoạt động kinh doanh vàng miếng) | 4662 |
| 41. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 42. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4669 |
| 43. | Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm) | 4690 |
| 44. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711 |
| 45. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) | 4719 |
| 46. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh | 4721 |
| 47. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 48. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh | 4723 |
| 49. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh | 4724 |
| 50. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 51. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh | 4742 |

| | | |
|-----|---|------|
| 52. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4751 |
| 53. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 54. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh | 4753 |
| 55. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; | 4759 |
| 56. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh | 4761 |
| 57. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4762 |
| 58. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh | 4763 |
| 59. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh | 4764 |
| 60. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771 |
| 61. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động kinh doanh thuốc chữa bệnh) | 4772 |
| 62. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4791 |

| | | |
|-----|--|------|
| 63. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 64. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 65. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ | 5225 |
| 66. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. (Không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không) | 5229 |
| 67. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 8299 |

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN BÓN Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *01/01/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy chứng thực cá nhân: *001084016181*
 Ngày cấp: *16/06/2016* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐLQL cư trú và DLQG về dân cư*
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Chiến Thắng, Thôn Trung, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Chỗ ở hiện tại: *Xóm Chiến Thắng, Thôn Trung, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 25/03/2020 đến ngày 24/04/2020

